

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.
2. Ông Nguyễn Tiến Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lương Văn L**, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay : Thôn 4, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Bích L**, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số 5, đường T, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh L có mặt, chị L vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2017, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Văn L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trần Thị Bích L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/10/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau cùng bố mẹ anh ở xóm 4, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc chị L là người miền Nam nên không thích nghi được với phong tục tập quán của người miền Bắc. Chị L cũng không cố gắng thay đổi để hòa nhập được với gia đình anh vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh chị không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ tháng 4/2013, chị L đã đưa cả hai con chung của anh chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở địa chỉ: Số 5, đường T, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Anh L và gia đình đã tìm gọi chị L nhiều lần nhưng chị L kiên quyết không về. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Lương Hoàng L, sinh ngày 04/11/2009 và Lương Thế L, sinh ngày 25/12/2010. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với chị L. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để hai con ở cùng với mẹ theo nguyện vọng của hai cháu và chị L vì chị L cũng đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung và anh L cũng đồng ý với việc chị L không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con, hiện nay thu nhập của anh L chưa ổn định.

Về tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh L nhất trí với các ý kiến của chị L.

*/ Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư đã ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai kết quả như sau:

- Tại bản tự khai ngày 29/6/2017, bị đơn chị Trần Thị Bích L trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như anh L đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị và anh L bất đồng quan điểm sống với nhau. Ngoài ra, anh L còn ham mê cờ bạc, thường xuyên nhậu nhẹt, say sưa, đánh đập chị. Chị L đã khuyên nhủ anh L nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Mặt khác, vì chị L là người miền Nam nên không thể thích nghi được với những phong tục, tập quán của miền Bắc để hòa nhập với gia đình anh L. Vợ chồng vì thế mà cãi vã nhau. Chị đã cùng hai con chung về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân nhau từ khi chị đi đến nay, không ai liên lạc, quan tâm đến ai. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị, chị cũng đồng ý. Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung như anh L trình bày. Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng với chị và do chị chăm sóc và đều có nguyện vọng ở với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án cả hai con chung cho chị

nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Các con đều đang đi học tại trường học gần nơi chị sinh sống. Chị hiện đang làm lao động tự do, thu nhập khoảng 11.000.000đ/tháng nên chị có điều kiện để chăm sóc cho các con phát triển đầy đủ. Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì và cũng không nợ ai, cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai của con chung của anh L, chị L là cháu Lương Hoàng L, sinh ngày 04/11/2009 thể hiện: Hiện tại cả hai con chung đều đang ở với mẹ là chị Trần Thị Bích L và ông bà ngoại. Khi gia đình còn chung sống, các cháu đều chứng kiến cảnh bố mẹ bất hòa, chung sống không có hạnh phúc và nguyện vọng của cháu là xin được ở với mẹ.

- Tại biên bản xác minh với Công an xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thể hiện hai cháu Lương Hoàng L và Lương Thế L hiện đang cư trú cùng chị L tại nhà của bố mẹ chị L ở tại Số 5, đường T, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai và đang học tại Trường Tiểu học T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tào án nhưng đã tự viết bản tự khai thể hiện quan điểm về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và tài sản. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 228; 235 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xử cho anh L và chị L được ly hôn. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chấp nhận việc chị L tự nguyện không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản không đặt ra giải quyết. Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Về thẩm quyền: Chị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh L cung cấp địa chỉ mới của chị L tại huyện T, tỉnh Đồng Nai, chị L có đơn xin lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh L. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, không tìm được tiếng nói chung và bất đồng trong phong tục tập quán vùng miền nên từ năm 2013, chị L đã đưa cả hai con chung của anh chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở tỉnh Đồng Nai ở. Anh L, chị L cũng không tìm được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị L là có thật, vợ chồng đã chấm dứt quan hệ hôn nhân trên thực tế đã lâu và đến nay cũng không ai có mong muốn về đoàn tụ cùng nhau nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh L và chị L được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lương Hoàng L, sinh ngày 04/11/2009 và Lương Thế L, sinh ngày 25/12/2010. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với chị L. Chị L và anh L đều nhất trí giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cả hai con đều đang ở ổn định với chị L, chị L lại có công việc và thu nhập, có chỗ ở nên cần giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng như ý kiến của anh L và chị L là phù hợp. Chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh L và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Lương Văn L và chị Trần Thị Bích L được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cho chị Trần Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lương Hoàng L, sinh ngày 04/11/2009 và Lương Thế L, sinh ngày 25/12/2010. Chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm nom, giáo dục, chăm sóc con chung. Anh L, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Lương Văn L và chị Trần Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Anh Lương Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 002654 ngày 01/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2017.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình
- Chi cục THA huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương